

NĂM THƯ NĂM 58 207

Thứ năm, 11 tháng 10-1945

TRITÂN

TẠP CHÍ



Giá 1\$20

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của dân, báo Nam Bộ

TỪ CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA ĐẾN HIỆN PHÁP

KIẾN-XUÔNG



Ở sau, ngày 19-8, nước Việt-Nam đã từ chế độ trực dân phát sít và quân chủ chuyên chế bước sang một giai đoạn mới: Dân chủ Cộng hòa. Trong lịch sử thế giới từ trước đến nay, chưa có một cuộc cách mạng nào đã rõ được đồng thời 2 cái lợi lớn lao và tiền được một bước dài trên con đường toàn dân chính trị đến thế! Sự đó một phần là ở trên thân chế dân quân cường của dân tộc ta từ trước đến nay với sự giác ngộ sáng suốt của cả cái đại khối cần lao và tinh thần chính trị kinh tế thế giới cần tạo nên.

Tuy vậy, vẫn còn một bọn cặn bã không tưởng, lấy làm bất mãn và nhất là một số trí thức giả hữu — chỉ đủ bêu được gợn bốn 4 chữ Cộng hòa dân chủ — đã vội vã đoan ngay rằng: Thế rồi cũng lại nát như cục độ cộng hòa dân chủ của Pháp chứ gì?

Bình tĩnh, xin các bạn hãy đọc lại các chương trình Việt Minh đã. Trong chế độ cộng hòa của Pháp quốc, các bạn có thấy những cái hiện có như thế không?

Giai chế độ cộng hòa của Pháp là

chế độ đã quá cũ, trong lý quyền lợi của những người bị thiệt thòi nhất, như phụ-nữ, nhi-dồng, thợ-thuyền, nông-dân v. v... không được nêu lên rõ và ghi vào trong chương trình kiến thiết quốc gia.

Hơn nữa, sự sa đọa của cộng hòa Pháp là do bản hiến pháp của nước họ đã không đủ để kềm chế thực hành cái lý tưởng « Bình đẳng, tự-do, bác-ái » mà cuộc đại cách mạng Pháp đã nêu lên. Trái lại, bản hiến pháp ấy, đã tạo nên một cái cớ để để đại nghị, trong đó, dân chúng ít rất ít quyền, chính phủ cũng rất ít quyền, mà chỉ riêng một bọn nghị viên nắm được gần hết quyền trong tay, gây thành một cái chợ, bí bết, ngang tàng, làm bối rối cả nền dân chủ của Pháp, đã phải mua bằng bao sự đau đớn tự sinh của dân chúng. Trong nền chính trị nước Pháp, một người dân thường cái được quyền 6 năm 1 lần để bầu lấy một người đại biểu (nghị viên) vì nghị viên ấy một khi được bầu lên, sẽ thay dân làm việc nước, — họ có quyền giữ lại hươu bầu việc lợi quyền cho cử tri này không, dân cũng không làm gì được, cho

nên may ra gặp ông nghị viên trung thành, thì ý kiến của cử tri còn được tỏ bày nơi quốc viện, nếu phải những ông nghị viên tráo trở thì độ 5, 3 khóa đi bầu, bị năm ca, thì còn gì là đời công dân với chủ nghĩa dân quyền.

Đến chính phủ của Pháp thì lại yếu ớt hơn nữa, vì ông thông, với mấy cái quyết hu danh tuyên bố luật pháp, đại xá, tuyên chiến, giải tán nghị viện, v. v những việc ấy phải thương đồng ý kiến với hoàng, hạ viện cả, thành như một vị hổ chĩa.

Còn thủ tướng rồi các Pháp thì hoàn toàn bị thao túng trong tay nghị trường, nên ta thấy chính phủ, sớm đổi chiều thay, e ỉ lăm tuyên bố, dự án mà không thì hành được mấy việc.

Trong một nước, mà dân ít quyền, chính phủ ít quyền, cái bọn « chính khách, nghị viên phiệt » tha hồ mà tung hoành đầu cơ trục lợi.

Vì thế cho nên đi sau cái hiến pháp của pháp những bốn pháp nước mỹ, nước Thụy sĩ đã phải dân

cách bỏ cầu lại: chính phải được củng cố địa vị để duy quyền hành động hơn lên, và nhất là nhân dân, muốn cho được trực tiếp hoàn toàn chủ dân quyền được:

1. quyền bầu cử ứng cử.

2. quyền bãi cử những vị nghị viên lúc ra làm việc: không đứng với dân nguyện và hơn nữa muốn cho dân được trực tiếp với lên chính trị, trong nước, người dân được cả quyền:

3. đề nghị các luật pháp và

4. bãi các luật pháp hợp hay trái với dân mình dân kể. cái chính thể như vậy mới thực là rộng rãi và đủ điều kiện để thực hiện sự tự do hạnh phúc cho toàn thể nhân dân, và không có bọn nào đứng trung gian lợi dụng được.

Gần đây, trong cuộc cách mệnh dân tộc Trung hoa, Tôn đại Tiên, cũng đã nghĩ rằng, muốn thực hành được nền tự do, hạnh phúc cho dân thì bản hiến pháp cần phải được thực hiện triệt để. Làm sao cho nhân dân có quyền (chính quyền) và chính phủ có vận năng (trị quyền).

Cho nên ông định ra ngũ quyền hiến pháp. Trong ấy dân (chính quyền) cũng được như chế độ dân quyền trực tiếp của các nước Thụy

Gió heo may

Thu về, gió cũng theo về

Rừng cây trút lá, bụi rả giải đường

Ven hồ tha thướt cánh đặng.

Bình minh sáng dậy, lá vương hiện nhà.

Ngoài vườn còn mấy đóa hoa,

Từng bóng tươi thả n gió đùa lất lay

Chân trời xa, nổi heo may

Hồn thơ lai láng, hương say đắm lòng

ĐÔNG CHI

Thu sang

Gió đông cành đưa rụng lá vàng

Sen tàn cúc đã báo thu sang

E mưa nhận mãi bay về tả

Vọng lại chuông chùa điểm tiếng vang

Quyên đã lả than tình hân nước

Riêu thưa kêu gọi nổi tang thương

Giai nhân đối kính hai như một.

Chiến sự ngàn mai gọi tuyết xương

(Thu Nhâm Ngọ)

HANG-PHONG

sĩ Hoa kỳ v. v. . . 4 thứ quyền chính) và chính phủ thì ngoài tam quyền phân lập (như Pháp, là hành chính, tư pháp, lập pháp lại thêm 3 quyền — ông cho lấy ở cổ chế của nước Tàu — là quyền khảo thí và quyền giám sát.

Quyền khảo thí để sát hạch lại xem các chính khách ra nghị trường có đủ tài năng thực tế để phục vụ dân nước không hay chỉ là một phường lém lếp ngon lưỡi.

Còn quyền giám sát là để dòm dõ: xem tất cả các quyền kia có được thi hành thích nghi và triệt để không như viện Đô-sát trong chế độ quân chủ chuyên chế mà còn dân bộ được cả từ vua cho đến quan dân.

Xem đây thì biết, cái chế độ cộng hòa dân chủ của ta mai sau thi hành có được đúng với bản ý của nó hay không là quan hệ ở bản hiến pháp. Các hạn bị quan không phải đương uầy bình tiêu, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ta đi sau, cổ nước sẽ được hưởng những bài học hay của người đi trước và tìm thấy một đường lối thích hợp với tình thế và dân trí nước ta.

KIẾN LƯƠNG

Nhân « Tuần lễ vàng » chúng tôi bàn tới

Yếu-tố của giấy bạc

NGÔ-CÔNG

Yếu-tố thứ nhất : dùng giấy làm tiền để đảm bảo tiền

Ái đã đi buôn tất đều thấy tiền có bao nhiêu cũng không đủ. Buôn càng to, thiếu càng nhiều tiền. Mua chịu, đặt tạm là thói thường của con nhà buôn. Nhà buôn nào chẳng thiếu nợ và chẳng có nợ?

Có khi, những số nợ chỉ cần-cứ vào trí nhớ. Người mắc nợ phải nhớ : nợ ai? nợ bao nhiêu? bao giờ trả? Người có nợ cũng chỉ có trí nhớ để biết : ai mắc nợ? có bao nhiêu nợ? ngày nào thu nợ? Chưa có một cái gì làm bằng chứng cụ-thể cho món nợ. Nợ là một vật dễ quên, vô hình nằm trong trí nhớ người mắc nợ và người có nợ.

Lúc mới chỉ có một vài ba món nợ, lúc việc đòi-chác chưa hoạt-dộng năng, trí nhớ còn đủ sức giúp người mắc nợ và người có nợ. Nhưng lúc đã có hàng trăm hàng ngàn món nợ, nghĩa là lúc kinh-tế đã hoạt-dộng năng, thì người ta nhớ nhất cũng có khi phải quên hay nhầm lẫn, nhất là những món nợ tăng giảm luôn luôn, không ở một lượng số nhất định.

Để giúp trí nhớ, tổ tiên chúng ta đã nghĩ đến việc cần phải tượng-trưng món nợ : hoặc là vạch vôi, hoặc là thắt nút. Và đến nay, chúng ta : biên sớ.

Những cách tượng-trưng món nợ chỉ giúp trí nhớ cho một bên : người nào vạch vôi, người nào thắt nút, người nào biên sớ, người ấy nhớ. Có khi cả hai bên, người có nợ và người mắc nợ, đều vạch vôi, thắt nút, biên sớ, nhưng cuối cùng hai bên vẫn không đồng ý với nhau. Là bởi vạch vôi, thắt nút, biên sớ có nhiều lối khác nhau, và trí nhớ có thể bị đánh lừa.

Cho nên phải cần có một cách tượng-trưng chung cho cả hai bên. Thẻ - thứ - ban đầu là vắn - kẻ : người mắc nợ biên vào giấy, người có nợ giữ lấy giấy. Quyền sở-quả sáng của hàng p ở tuyệt đúng là Lưu - thư - đầu tiên của « khí cụ tín dụng » (instrument de crédit).

Đã gọi là nợ thì thường thường có hạn trả ; ít khi người mắc nợ trả trước hạn. Phải đợi đến hạn, người có nợ mới thu được tiền. Nhưng người này có thể cần tiền trước hạn.

Người có nợ đành phải vay ở một người thứ ba — và, để khỏi phải làm một văn tự khác, giao văn tự trước cho người thứ ba, miễn là người thứ ba bằng lòng và, cố - nhiên, hạn trả và số tiền như nhau.

Nguyên-tắc lưu văn kẻ không khác nguyên - tắc thương - phiếu sang tên (lettres de change endossables) rất thông dụng trong kinh-tế ngày nay. Người thứ nhất cần tiền, làm giấy vay của người thứ hai ; đến lúc cần tiền, người thứ hai lưu giấy vay cho người thứ ba ; người thứ ba lưu cho người thứ tư... Thương phiếu luân-chuyển như tiền mặt và có sức trang-trái như tiền mặt.

Sự bất tiện, kénh càng, nặng nề của tiền mặt (nhất là tiền kim khí) nhiều lúc khiến các nhà công thương chuộng thương-phiếu hơn tiền mặt. Bạn một món tiền 10 vạn đồng 27 gam, phải dùng biết bao xe đồ tải : 27 gam 100.000 = 2 tấn 70 tạ bạc?

Dùng thương-phiếu để khỏi phải dùng-tiền-mặt là căn bản của yếu-tố thứ nhất của giấy bạc.

Yếu-tố thứ hai, dùng giấy làm tiền tức là đảm bảo chỉ đã có sẵn - sàng rất nhiều tiền bằng kim-khí

Người có nợ hạn sai, đến hạn không sẵn-sàng có tiền để trả, là người đã ký một cái giấy nợ không hợp luật kinh-tế: dùng giấy làm tiền trong lúc không dự bị sẵn sàng có tiền. Giấy nợ ấy không có giá-trị kinh-tế, nghĩa là đáng lý ra, không thể có giấy nợ ấy, hay là: đáng lý ra: người có nợ không cho người mắc nợ vay tiền.

Giấy bạc xuất hiện cũng theo một căn bản đúng như thế. Nền kinh-tế những xứ thô-sơ chưa thể dùng giấy bạc, vì kinh-tế xứ ấy chưa dùng đến nhiều tiền; kim khí (là tiền) ở những xứ ấy chưa đến nỗi thật nhiều để phải dùng giấy mà đảm bảo.

Trước khi có giấy, phải có thực-chất của giấy.

Có giấy bạc, mà không có thực-chất của giấy bạc, là dùng giấy để làm tăng số tiền, tức là trái với căn-bản của yếu-ố thứ hai của giấy bạc. Giấy bạc ấy « sẽ không còn đủ tính-cách của ít khi-cụ tin-tưởng », sẽ mất dần sức trang-trái và trở về nguyên-chất của giấy: chỉ là những mảnh giấy vụn.

Ví-dụ rõ rệt nhất là « giấy bạc cưỡng bách » (assignat) của Pháp phát hành hồi Cách-Mạng dân-quyền. Nền tài-chính bị khô cạn vì chiến-tranh của Chủ-nghĩa đế-quốc, hai lần phát hành quốc-trái 30 triệu và 80 triệu không đủ cho ngân-sách. Thuế « á-quốc » (contributions patriotiques) ăn-dinh là 114 lợi-sức cũng không đủ nuôi công-khố Necker đề nghị việc in giấy bạc Quốc gia.

Đại-hội toàn quốc (Assemblée constituante) phỏng theo ý-kiến của Necker, dùng quốc-sản làm đảm-bảo để phát hành 400 triệu « giấy bạc cưỡng-bách », cưỡng-bách ở hai đặc-điểm: Chính-phủ nhận trả lãi và hoàn nguyên vốn lúc đến hạn.

Ý-kiến tốt đẹp ấy không thể thực-hành nổi, chẳng những chính-phủ không trả lãi, không hoàn nguyên vốn — và còn phải in thêm 800 triệu giấy mới. Lần này tiền lãi rút xuống 5%. Chưa đầy hai năm, 600 triệu khắc lại phát hành. Năm 1796, số giấy đã lên đến 46 000 triệu. Sức trang-trái chỉ còn 3% lúc đầu. Lại còn nỗi nguy ngập vì giấy bạc giả của người Anh mang vào, tràn ngập cả nước.

Những nhà chuyên-môn hết sức nghiê-nghĩa đề nghị đổi, nào là cấm dùng thương-phieu, cấm lập công-ty cổ phần, đề mong tăng sức luân chuyển của giấy bạc.

Không một thuyết nào giữ nổi cái đã mất giá. Sau hết, Chính-phủ Cách-Mạng đành phải hạ lệnh hủy-loại « giấy bạc cưỡng-bách » (16 pluviôse V). Quốc-dân đành chịu mất tiền. Ấu cũng là hy-sinh tài-sản cho nền Dân-quốc. Ramel, một yếu-nhân tài-chính lúc bấy giờ, đã bình-phẩm rất xác đáng về assignat; ông nói: « assignat thất bại ở cả hai phương-diện: tài-chính và tiền-tệ, nhưng assignat đã thành công trong địa hạt cách mạng, nó đã thủ tiêu tất cả những độc-quyền kinh-tế »

Tóm lại, « giấy bạc cưỡng-bách » của Pháp là một kinh-nghiệm rõ rệt để chứng thực yếu-ố thứ hai của giấy bạc: Muốn dùng giấy làm tiền, phải sẵn sàng có nhiều kim khí. Trái với nguyên-tắc ấy, giấy bạc không thể có được — nghĩa là càng phát-hành, càng mất giá, và càng khiến giấy bạc trở về căn bản đầu tiên: những mảnh giấy vụn. Giấy bạc Hồ Quý Ly ở ta ở thế-kỷ 15, giấy bạc Law của Pháp ở thế-kỷ 17 và gần đây giấy bạc của Đức (Reichsmark) đều là những tang - chứng hùng-biện đời đời, chỉ to rằng: giấy bạc cầu phải có thực - chất. Yếu-ố thứ ba: Giấy bạc cần phải phát-hành bởi một ngân-hàng.

Vì trong việc đổi chác, tiền kim khí đã đến một độ số nặng quá, nên phải dùng giấy thay kim-khí.

Giấy ấy là văn-khố hay thương-phieu, nếu giấy chỉ có sức trang-trái giữa hai người hay một số người có hạn.

Lúc nào giấy có đủ sức trang-trái với bất cứ một người nào trong một nước, thì giấy mới là giấy bạc, một thứ « khi-cụ tin-tưởng cộng-cộng » (instrument de crédit collectif).

Làm thế nào để giấy có tính-chất ấy? Điều thứ nhất là giấy phải luân-chuyển rất rộng phải là giấy không mang tên người có nợ: giấy vô danh (papier au porteur). Điều thứ hai là giấy phải được chính-phủ đảm bảo; phải là giấy của chính-phủ thì công dân mới tin giấy. Quyền phát-hành giấy bạc bắt đầu ở trong chính-phủ.

(Xem tập trang 16)

NHỮNG BẢN SỬ CŨ CỦA NƯỚC TA

NGUYỄN XUÂN UÂN



NƯỚC Trung hoa có một nền văn minh sớm nhất ở Viễn đông này nên đối với các nước nhỏ chung quanh, về các phương diện, đều đứng vào bậc đàn anh cả; các em chậm tiến hơn phải theo đó mà bắt chước. Trung quốc sớm đã có lịch sử Ban đầu chưa có chữ thì thắt nút gáy để ghi mọi việc. Khi đã chế ra chữ viết rồi, các vua đời cổ đều có đặt ra chức Sử quan, chép lại những điều hay của tiên vương để người sau học mà theo. Sách *Thư Lễ* và *Nhạc* đều là sách của các sử quan đời Nghiêu, Thuấn, Tang, Văn và Vũ cả. Mỗi quyển sử đầu đó ghi những lời hay, nhưng chính thể đáng làm khuôn mẫu cho muôn đời sau, các nho gia sau này đặc thể cầm quyền trị nước đều lấy các sách ấy làm kinh bất học trò phải học. Từ đấy chức sử quan triều nào cũng có, song không thấy đề lại được chôn sách nào đặc sắc.

Chính sử thì mãi đến đời Xuân thu mới xuất hiện dưới quyền bá quyền thép của Khổng phu tử. Sách *Xuân thu* không những chỉ là một quyển sử mà còn là một cuốn luận lý, ở trong

các bậc hiền quân trung thần đều có lời tường lệ và những kẻ tham ác quỷ quyệt đều bị mặt sát. Những người ở hạng trên, sử gia kính trọng chỉ gọi chức tước thôi chứ không nở độ tên tục ra như những kẻ ở hạng dưới. Sang đến đời Hán, Tư mã Thiên, Ban Cố mở một kỉ nguyên mới cho việc chép sử. Sử gia chăm chú về văn chương, nhưng không quên tìm tòi các thống hệ, gộp nhất những tài liệu như chiếu thư tẩn số, những điều truyền tụng ở chốn dân gian cổ cho mọi chuyện đều được đầy đủ. Sách ấy chia ra làm nhiều tiểu truyện, kể công nghiệp từng người một thành những chương bản kỉ, thế gia. Sau đời Hán, sử đời Tam quốc, Lục triều, Tùy, Đường, Tống văn văn, lại chép theo lối biên niên, rành rọt từng năm từng tháng. Những sách kể trên đều theo tôn chỉ của sách *Xuân thu* nghĩa là chỉ biết có một họ làm vua mà thôi. Các việc chép theo lối biên niên không được liên tiếp, không có ngành ngọn nhân quả. Đã thế lại bỏ qua những cuộc sinh hoạt những nguyện vọng và cái bước tiến hóa của dân binh dân. Chỉ có lúc nào

sức chuyên chế ở trên đè nén quá nặng, sự căm tức của dân chúng bùng lên thì ta mới chợt thấy bóng họ thấp thoáng, ở trong đám lửa giặc hoặc bị đẩy sáo ở dưới gót chân ngựa loạn li...

Nước Nam vốn là học trò nước Trung hoa, dĩ nhiên là sách sử đều chép theo khuôn phép sách sử của Trung hoa.

Trước đời Trần nước Việt chưa có quốc sử. Nhưng cũng có những nhà văn Trung hoa rồi đến ta, đó là những nhà du lịch, những học giả khảo cứu về phong tục thổ địa các giống man di ngoài Ngũ lĩnh (1) Suốt đời Bắc thuộc nơi đất xa xôi này không được chính quốc chú ý đến làm nên sử Trung hoa thường cách hàng mấy chục năm mới chép sơ lược đến một chuyện ở nước ta. Đến khi ta độc lập rồi, muốn việc trong nước hãy còn ở vào thời kì kiến thổ; văn học còn phôi thai nên chưa có sử.

Nhà Trần dựng nghiệp, vua Thái Tôn cố võ việc học, có mở ra các kì thi thái học sinh để tuyển những người văn chương lỗi lạc

Xem tiếp trang 10

1) Theo *Kinh Chu* của Li Dao Nguyên-Giao, nhà ngoại ngữ kì Quảng-Châu kì-Nguyên hòa quân huyện chi-Nam thư của Tống Cồn.

XÁ THUẾ ! XÁ THUẾ !

HẢI LÔNG



Ở thành lập được mười hôm nay, mà Chính Phủ Việt Nam Dân Quốc Cộng Hòa đã làm cho dân chúng chú ý đặc biệt đến một việc hy-sinh rất lớn, mà có lẽ, đã lâu lắm, tới hơn trăm năm nay, mới có một lần.

Đó là : Việc XÁ THUẾ.

Thuế chợ, thuế thân, thuế xe đạp, thuế đồ, thuế cư-trú v.v. được xá.

Quốc dân lấy điều đó làm vui bả, xung sướng, mà cũng vì điều đó quần chúng, nay hiển thêm tuấn thía cái quang cảnh độc-lập khác với tình cảnh nô-tệ, và biết rõ xâu xa cái chế-độ dân chủ khác hẳn chế-độ chuyên-chế cường quyền của bọn thực-dân một vực một trời.

Thực, không gì làm cho quốc dân biểu nghĩa dân chủ nhanh chóng bằng cách bênh vực, săn sóc, vỗ về quần chúng.

Ba chữ « dân vi quý » dưới chính-tước dân chủ mới thực hiện được rõ ràng.

Nghĩ đến bao nhiêu thì xót-xa căm giận cái cảnh sưu cao thuế nặng trong hồi Pháp thuộc. Họ độc địa vô cùng, bắt dân đóng thuế để cung cấp cho họ ăn no mặc đẹp, lên ngựa xuống xe, hống hách nạt

nộ, còn dân chúng đói rét lầm than, lam lũ khổ sở, họ mặc thây, mà còn kiếm cách tàn hại khác nữa.

Nếu ta để ý ta thấy ngay, họ chỉ khéo trang võ một ít bề ngoài, và chỉ sửa sang một ít cầu đường để tiện việc hành binh đe dọa ức hiếp ta thôi ; ngay ở tỉnh thành, họ cũng chỉ tô điểm những nơi họ trú ngụ để riêng họ hưởng, còn ngoài ra (chỉ 500 thước ngoài chỗ họ ở) là bùn lầy nước đọng đường xá hẹp hòi, họ không hề lưu ý đến.

Nhờ lại năm xưa, toàn cả tỉnh Bắc-ninh bị lụt, mùa màng mất sạch mà họ cũng đang làm thu thuế như thường, không hề có giảm

Năm 1904, trong Quảng - nam sưu thuế quá nặng, dân đã nổi lòng Công phần phản đối một cách ôn-hòa kéo đến tỉnh lỵ biểu tâu nhiệt liệt.

Ai chả rõ, nghĩa vụ của dân là phải đóng thuế để Chính-phủ dùng làm những việc ích chung, như mua sắm binh nhu, nuôi dưỡng quân sỹ, mở mang đường xá, xây dựng học - đường v. v. ; cho nên các nước văn minh việc đóng thuế là bổn phận tối trọng của quốc dân. Nước càng mở mang thì dân càng chịu thêm nhiều thuế, vì thuế là tài nguyên của nước, mà tài nguyên là huyết mạch của quốc gia. Huyết mạch trong thân thể có sung túc, cơ-thể mới tráng cường ;

tiền tài trong nước có dồi dào mới mua được súng ống tàu hỏa để gây thế lực mạnh mẽ cho dân nước.

Xưa nay, ta vẫn nói nước mạnh thì dân giàu, mà dân giàu thì nước mạnh là thế.

Nay, Chính-Phủ Dân quốc đã hy-sinh huyết mạch để gây hạnh phúc cho dân, cũng như các chiến-sỹ VIỆT MINH đã hy-sinh bao năm sương máu để đòi độc-lập cho giống nòi.

Ta thấy ngày nay, mở mắt được với đời, ta thấy bây giờ lá Quốc-kỳ màu đỏ sao vàng phất phới trên trường quốc-tế, ta cũng phải nên thờ cái lòng hy-sinh đó mà nghĩ cách báo đáp, và làm cho tròn phận-sự một tể dân trong nước tự chủ.

Chính-Phủ Dân quốc mới thành lập trong nửa tháng nay, công việc nhiều, mà công nhu không mấy, vậy ta là người dân nước ta có cái nghĩa-vụ, ta có cái bổn phận đối với quốc gia, ta phải nghĩ đến cái ân sâu phải trả nghĩa sâu cho vừa.

Muốn trả cái nghĩa sâu, không gì bằng ta lấy ngay món tiền thuế được xá giúp Chính-Phủ để có rộng tiền tài sắm sửa quân nhu và chỉnh bị quân đội. Người có lực thì quyền cả số thuế được xá là nhất ; người vừa lực, thì quyền-

(Xem tiếp trang 16)



53 71

Ung-hoe NGUYỄN-VAN-TỔ

XXXIX. — Lý Anh-tông (bài nối)

Đời Lý Anh-Tông có mấy việc đáng chép, là việc nhà Tống đặt tên nước, đổi quận Giao-chí làm nước An-nam (năm 1164), và phong vua Lý Anh-tông làm An-nam quốc vương. kỷ trước đã nói. Nay đến việc các nước phía nam xin thông thương, sử chữ nho chép như sau này :

« Tháng hai năm kỷ-tỵ 1149 nước Qua-hoè, nước Lộ-lạc và nước Tiêm-la, ba nước chở thuyền buôn vào Hải-dông (nay Quảng-yên), xin ở buôn bán các chỗ hải-đảo, lập trang trại để ở, gọi là Vạn đồn trang (tức tổng Vạn-hải, huyện Nghiêm-phong, tỉnh Quảng-yên bây giờ), mua bán các đồ quý báu, có dâng Vua ta các phương-vật (thờ-sản riêng của phương ấy) *Đại-Việt sử-ký, toàn thư, q. 4, tờ 6 b*). Đây là việc đầu tiên nước ta thông thương với các nước (*Đại-Việt sử-ký cái-lương, số A 1146, q. 2, tờ 38 b*).

Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, chính biên (q. 4, tờ 43 a đến 44 a) chỉ chép nước Qua hoè, nước Tiêm-la,

không chép nước Lộ-lạc và chỉ thịch rằng : « *Minh-sử* chép nước Qua-hoè ở phía tây nam Chiêm-thành, có một tên là Hạ-cảng, lại có tên là Thuận-tháp. » Có lẽ là Mã-lai. *Thanh nhất thống chí* chép « nước Tiêm-la ở phía tây nam Chiêm-thành, là biệt loại của Phù-nam Cao miên cũ. Sau chia làm hai nước là Tiêm và La học. Vào khoảng đời Nguyên (1277—1367) nước La học trở nên mạnh, thôn-tính nước Tiêm, gọi tên nước là Tiêm-la-học. Đến đời Hồng-vũ (1368-1398) nhà Minh, nước ấy sang châu, vua nhà Minh cho ấn « Tiêm-la quốc-vương » : từ bấy giờ mới gọi là Tiêm-la ». Gó một điều lạ, là thôn tính nước khác, mà đổi tên nước khác lên trên, thì xưa nay chưa từng thấy bao giờ.

Lại một việc nữa, là việc lập miếu riêng thờ đức Khổng-tử. Nguyên tháng tám năm canh tuất 1070, Vua Lý Thánh-tông đã dựng văn miếu, tôn tượng Chu-công, Khổng-tử và tượng tứ phối (4 vị phối hưởng) là Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-tư và Mạnh-tử. vẽ tượng thất thập nhị hiền (72 học trò giỏi của

đức Khổng-tử) thờ. Đến năm bình tý 1156 đời Lý Anh-tông, Tô-hiến-Thành xin lập riêng miếu thờ đức Khổng : Lý Anh-tông nghe theo, cho lập văn miếu ở phía nam thành Thăng-lơng (*Khâm định, q. 3, tờ 38 a và q. 5, tờ 9a*).

Lý Anh-tông lại chú ý đến binh lính, cho nên việc biên bị chưa từng đề khiếm-

khoáng. Kỷ trước đã chép việc sai Tô - hiến - Thành và Đỗ - ân - Di đem hai vạn quân đi tuần biên giới tây-nam và các men bờ Nay chép đến việc tuyển lính : « Tháng tám năm bình-dần 1146 xuống chiếu cho bách quan và quân giáp chủ-dô, phạm tuyển bề cấm quân, nên chọn nhà thái-hộ (nhà nhiều anh em), không được lấy những người cô-độc » (*Toàn thư q. 4, tờ 6 a, Khâm định, q. 4 từ 42 a*).

« Tháng hai năm canh thin. 1180 sai Tô-hiến-Thành và Lý công Tín tuyển những người mạnh khỏe trong dân đinh sang vào quân ngũ, chọn tướng hiệu thông binh pháp quen vũ nghệ chia nhau cai quản » (*Khâm định, q. 5, tờ 10 b Toàn-thư q. 4, tờ 13 a-b*). Chỉ thấy sử chép như thế, chứ không rõ binh pháp và vũ-ngệ đời Lý thế nào.

Về luật lệ, thì « tháng mười hai năm nhâm-tuất 1142, định lệ cấm bán điền thổ :

« Người nào cày ruộng đã thực (tức ruộng tốt, không phải khai khẩn), trong hai mươi năm cho chuộc lại ; ruộng đất tương

tranh trong năm năm, hoặc mười năm được tấu tụng (tấu đề vua xé); ruộng vườn bỏ hoang bị người ta cấy cấy trong một năm được tranh nhận (kêu quan xin nhận), quá hạn ấy đều cấm. Ruộng đất nào đoan-mại đã có khế khoán thì không được chuộc. Trái những điều lệ trên này thì bị tội tám mươi trượng. Hoặc tương tranh ruộng ao, đem binh khí đánh nhau chết người hoặc bị thương, thì phạt tám mươi trượng và tội đồ; ruộng ao ấy phải giả gia-quyển người bị chết, hay bị thương, (Khâm-định, q. 4, tờ 39 a, Toàn-thư, q. 4, tờ 3 b). Khoảng tháng năm tháng sáu, năm ất-sửu 1145 xuống chiếu rằng các người tranh nhau ruộng đất của cải, không được ý thác nhà quyền thế nếu trái thì bị tội đồ và phạt tám mươi trượng (Toàn-thư q. 4, tờ 4 b).

Tháng sáu nhuận năm bình-dần 1146, xuống chiếu cho các cục quyết ngục (cũng như các tòa xử án) rằng hễ ai cưỡng-tranh (cũng như không phục-phán) không hợp điều lệ, thì phạt sáu mươi trượng (Toàn-thư q. 4, tờ 5 b).

Năm ất-sửu 1145, có lệ cấm các thợ không được làm những đồ-dạc gì có quan-dạng, thiện-tiện bán cho dân-gian (Toàn-thư, q. 4, tờ 5 b).

Năm canh-ngọ 1150 xuống chiếu những yếm-tự (cũng như quan thì) không được thiện-tiện vào cung, ai phạm thì bị tội tử; nếu giữ không cẩn thận, mà để

người khác vào cung, thì cũng tội như thế. Cùng năm ấy, có lệ cấm các quau trong triều không được đi lại nhà vương hầu (có họ với vua). Từ bấy giờ, không được tụ-hội, không được đi quanh-hành-lang « phụng-quốc » (tên một vệ lính) và cấm dễ khí giới: ai phạm phía ngoài thì bị 80 trượng, tội đồ; ai phạm phía trong, thì bị tội tử. Quân phụng-vệ ở hành-lang, có chiếu chỉ mới được cầm khí-giới, không có chiếu-chỉ mà thiện-tiện cầm khí-giới ra khỏi địa-dầu thì bị tội chết (Toàn-thư, q. 4, tờ 9 b).

Năm đinh-sửu 1157, xuống chiếu định luật lệnh (Toàn-thư, q. 4, tờ 12 b và Khâm-định, q. 5, tờ 9 a). Chỉ thấy sử chép như thế, không rõ có làm Hình-thư như đời Lý Thái-tông (năm 1042) hay không.

Ngoài ra, có những việc lật-vật như sau này: « Tháng mười năm đinh-mão 1147, vua sai Đỗ Anh-Vũ khảo xé những quan lại và định số hộ-tịch ở phủ Phú-lương để tấu vua nghe. Vì phủ Phú-lương trước bị Thân-Lợi chiếm-ứ, cho nên mới có lệnh ấy » (Khâm-định, q. 4, tờ 42 a-b). « Tháng hai năm sau 1148 vua ngự-hành cung Ly-nhân (Ly nghĩa là lợi, sau đổi là lý nghĩa là trị, nay tỉnh Hà-nam), thân cấy ruộng tịch-diền rồi ngự hành-cung Ứng-phong (nay thuộc Nam-dinh) xem dân cấy, rồi về » (Khâm-định, q. 4, tờ 42 b). « Tháng tư năm sau (1149), đặt hội Nhậm-xương (tên

nhà Phật) ở long-trì, đại xá tội-nhân » (Toàn-thư q. 4, tờ 6 b). « Tháng hai năm tân-vị 1151 Ngự Long-thủy-giáp (nay là núi Long-sơn, châu Đà-bắc, tỉnh Hưng-hóa) xem bắt voi: bắt được voi trắng, quần thần dâng biểu mừng » (Khâm-định, q. 5, tờ 5 a). « Tháng tám năm ấy, Vua ngự cung Quảng-lư xem đua bơi » (Khâm-định q. 5, tờ 5 a-b). « Tháng mười năm sau (1152) thi điện » (Khâm-định (q. 5, tờ 5 b) dẫn sử Ngô-thị - Sĩ chưa rằng: « Lúc ấy phép khoa - cử, chưa có cách - thức nhất - định, có lẽ vua xuống chiếu cho cử những học-trò trong thiên hạ, thân hành thi ở điện đình; sử sách không chép rõ, nên không xé được ». « Tháng hai năm nhâm-ngọ 1162 định lệ khảo khóa các quan văn vũ, cứ chín năm một lần khảo, ai không phạm lỗi được thăng trật » (Toàn-thư, q. 4, tờ 14 a, Khâm-định, q. 5, tờ 11 b).

« Tháng mười hai năm ất - bợi 1155 dựng cung Lệ-thiên và hành-lang Long-khánh để triều cạ » (Khâm-định, q. 5, tờ 7 b). « Tháng mười hai năm sau (1156) làm hành-cung ở Ngự - thiên (nay huyện Hưng nhân, tỉnh Hưng-yên), trong dựng điện Tuỳ-quang, gác Cửu-vân, cửa Tranh-hòa, thêm Ngự-phượng, gác Diên-phủ, đình Thuồng-hoa, thêm Ngọc - hoa; lại đào ao Kim-liên, làm cầu Minh-nguyệt, để tiện khi tuần ngự » (Khâm-định, q. 5, tờ 8 a).

Tháng chín năm giáp-ngọ 1174 thái-tử Long-xương có tội, phế làm thứ-nhân. Nguyên trước Long-xương (xem tiếp trang 13

BINH CHÊ TRIỀU MINH MỆNH

Số 2

Tinh phong NGUYỄN TỌAI

Tỉnh Thanh hóa có mười vệ. Năm vệ. Tuyên vũ, Tác vũ, Cung vũ, Nghĩa vũ Hùng vũ, thuộc quan Đô thống doanh Hồ uy kiêm quản. Năm vệ Tiếp vũ, Nhuệ vũ, Quảng vũ, Cường vũ, Tráng vũ, thuộc quan Đô thống doanh Hùng nhuệ kiêm quản.

Tỉnh Hà nội có mười cơ. Trung cơ, Tiền cơ, Hậu cơ, Tả cơ, Hữu cơ, và Trung định, Tiền định, Hậu định, Tả định, Hữu định, đều thuộc Ngũ bảo trung quân.

Tỉnh Nam định có mười cơ: Trung cường, Tiền cường, Hậu cường, Tả cường, Hữu cường, và Trung tiếp, Tiền tiếp, Hậu tiếp, Tả tiếp, Hữu tiếp, đều thuộc Ngũ bảo tiền quân.

Tỉnh Hải dương có mười cơ: Trung kiên, Tiền kiên, Hậu kiên, Tả kiên, Hữu kiên, và Trung nhuệ, Tiền nhuệ, Hậu nhuệ, Tả nhuệ, Hữu nhuệ, đều thuộc Ngũ bảo Tả quân.

Tỉnh Sơn tây có mười cơ: Trung hùng, Tiền hùng, Hậu hùng, Tả hùng, Hữu hùng và Trung dũng, Tiền dũng, Hậu dũng, Tả dũng, Hữu dũng, đều thuộc Ngũ bảo Hữu quân.

Tỉnh Bắc ninh chia binh làm mười cơ: Trung uy, Tiền uy, Hậu uy, Tả uy, Hữu uy, và Trung thắng, Tiền thắng, Hậu thắng, Tả thắng, Hữu thắng, đều thuộc Ngũ bảo Hậu quân.

Kỵ binh Tượng binh.—Ở kinh đô, thuộc vào Cấm binh, có Thượng tứ viện, gồm hai vệ Khinh kỵ và Phi kỵ, đó là kỵ binh. Kỵ binh luyện tập đề ra trận, cưỡi ngựa mà bắn súng, múa kiếm, phóng ngọn tiêu. Ở các tỉnh, không có kỵ binh. Còn Thượng binh tuôi ở kinh có 2 vệ Kinh tượng (thuộc vào Cấm binh, ở các tỉnh lớn có Tượng binh đội. Số voi dùng không nhất định, lúc nhiều lúc ít.

Thủy binh.—Ở kinh đô, có vệ Long thuyền thuộc vào cấm binh, và Kinh kỵ thủy sư là Tinh binh Thủy binh chuyên vào việc vận tải và phòng giữ các cửa bể. Chiến thuyền gồm có thuyền đồng độ 20 chiếc, tàu hơi độ 5, 6 chiếc thường đậu cả ở Đà Nẵng và Thuận an.

Nhung phục.—Binh lính dãi đội nón dãi, mình mặc áo ngắn bốn tuần, Mũ áo thì tùy theo cơ vệ mà khác nhau để dễ phân biệt. Ngang lưng đeo một cái bao da và một túi đạn, trên vai mang súng, tay cầm hỏa mai. Võ quan khi lâm trận, mặc sắc phục hẹp tay, cưỡi ngựa, cầm lệnh kiếm.

Binh khí.—Các lính ở Bắc kỳ dùng súng hỏa mai, gọi là bắc cơ điều thương, còn các tỉnh khác dùng súng bắn bằng đá lửa gọi là thạch cơ điều thương. Còn súng lớn thì có súng bằng đồng, mỗi hạng đều có tên riêng và kiểu riêng: Súng phá địch (178

ly tây), canh sơn (104 ly, 100 ly, 96 ly); vũ uy, thắng uy (98 ly), và những hạng: Thần công, vũ công pháo uy, dăng uy, quả sơn, phi sơn, (không thấy sách chép rõ kích thước những hạng này ra sao.) Lại có 2 thứ đồng bạc nhỏ 35 và 50 ly (nay cũng không rõ có tên là gì) Các thứ đại bạc ấy dùng để phòng giữ thành trì, đồn ải và các cửa bể.

Quản nhu.—Các quan võ chỉ quản xuất binh lính mà thôi. Còn những việc tuyển lính, thay đổi lính, lương thực, khí giới, các võ quan không được tự quyết. Những việc ấy, ở kinh đô có Binh bộ thượng thư, ở các tỉnh có Bố chánh sứ, quân đốc và chịu trách nhiệm.

Lương bổng.—Các quan tam phẩm trở lên, mỗi năm hai kỳ lĩnh lương; thất phẩm trở lên, mỗi năm lĩnh bốn kỳ, còn bát, cửu phẩm và lính thời mỗi tháng lĩnh một kỳ. Ngoài lương ra các quan viên lại còn được tiền xuân phục-bình nhất phẩm: 4 trăm quan tiền, 3 trăm phương gạo và tiền xuân phục 70 quan.

Tùng nhất phẩm: 3 trăm quan tiền, 250 phương gạo tiền xuân phục 60 quan.

Chánh nhị phẩm: 250 quan tiền 200 phương gạo, tiền xuân phục 50 quan.

Tùng nhị phẩm : 180 quan tiền, 150 phương gạo, tiền xuân phục 30 quan.

Chánh tam phẩm : 150 quan tiền, 120 phương gạo, tiền xuân phục 20 quan.

Tùng tam phẩm : 120 quan tiền, 90 phương gạo, tiền xuân phục 16 quan.

Chánh tứ phẩm : 80 quan tiền, 60 phương gạo, tiền xuân phục 14 quan.

Tùng tứ phẩm : 60 quan tiền, 50 phương gạo, tiền xuân phục 10 quan.

Chánh ngũ phẩm : 40 quan tiền, 35 phương gạo, tiền xuân phục 9 quan.

Tùng ngũ phẩm : 35 quan tiền, 30 phương gạo, tiền xuân phục 8 quan.

Chánh lục phẩm : 30 quan tiền, 25 phương gạo, tiền xuân phục 7 quan.

Tùng lục phẩm : 25 quan tiền, 22 phương gạo, tiền xuân phục 6 quan.

Chánh thất phẩm : 25 quan tiền, 20 phương gạo, tiền xuân phục 5 quan.

Tùng thất phẩm : 22 quan tiền, 20 phương gạo, tiền xuân phục 5 quan.

Bát phẩm : 20 quan tiền, 18 phương gạo, tiền xuân phục 4 quan.

Cửu phẩm : 18 quan tiền, 16 phương gạo, tiền xuân phục 4 quan.

Lính : mỗi tháng một quan tiền, 1 phương gạo.

Phẩm cấp. — Chánh nhất phẩm (Đặc tiến Tráng võ tướng quân, khi mất được thụy là Võ nghị! Đô thống phủ Đô thống chương phủ sự.

Tùng nhất phẩm (Tráng võ tướng quân, thụy võ khác) : Đô thống phủ Đô thống.

Chánh nhị phẩm (nguyên uy tướng quân, thụy Trung Cẩn) : Thông chế ; Đề đốc.

Tùng nhị phẩm (Đông uy tướng quân, thụy trung phẩm) : Kinh xa đô úy ; Đô chỉ huy sứ ; Phó đề đốc ; chương vệ.

Chánh tam phẩm (Anh dũng tướng quân, thụy Anh (úc) : nhất đẳng thị vệ ; Chỉ huy sứ ; Thân Cẩm binh vệ úy ; Lãnh binh.

Tùng tam phẩm (Phấn dũng tướng quân, thụy Anh-mai) : Binh mã sứ ; Tinh binh vệ úy ; Toàn, Cẩm binh phó vệ úy ; Phó lãnh binh ; Phiêu kỵ đô úy ; Phụ mã đô úy.

Chánh tứ phẩm (Minh nghĩa đô úy, thụy Tráng nghị) : Quân cơ ; Nhị đẳng thị vệ ; Binh mã phó sứ ; Tinh binh phó vệ úy ; Thành thủ úy.

Tùng tứ phẩm (Tín nghĩa đô úy, thụy Tráng nghị) : Phó quân cơ ; Tuyên úy sứ, Kỵ đô úy.

Chánh ngũ phẩm (Võ công đô úy, thụy Tráng nghị) : Tam đẳng thị vệ ; Thân, Cẩm binh chánh đội.

Tùng ngũ phẩm (Kiến công đô úy, thụy Tráng nghị) :

Tinh binh chánh đội ; Tứ đẳng thị vệ ; Thân, Cẩm binh chánh đội trưởng xuất đội ; Tuyên úy phó sứ ; Phi kỵ úy.

Chánh lục phẩm (Tráng tiết kỵ úy, thụy Hùng kính) : Ngũ đẳng thị vệ ; Cẩm y hiệu úy, Tinh binh chánh đội trưởng xuất đội ; thò binh chánh đội.

Tùng lục phẩm (Tráng tiết tá kỵ úy, thụy Hùng tiết) ; Toàn, Cẩm binh chánh đội trưởng ; An kỵ úy ; thò binh chánh đội trưởng xuất đội.

Chánh thất phẩm (Hiệu trung kỵ úy, thụy Hùng quả), Thân, Cẩm binh đội trưởng ; nội tạo ty chánh tượng ; Tinh binh chánh đội trưởng.

Tùng thất phẩm (Hiệu trung tá kỵ úy, thụy Hùng Cẩm) : Tinh binh đội trưởng ; Phụng ân úy ; Dịch thừa ; tùng thất phẩm thiển hộ ; Nội tạo ty phó tượng.

Chánh bát phẩm (Trung tín hiệu úy, thụy Dũng kiên) chánh bát phẩm đội trưởng ; chánh bát phẩm bá hộ ; Dịch mục ; Chánh bát phẩm chánh ty tượng.

Tùng bát phẩm (Trung tín tá hiệu úy, thụy Dũng mậu) Tùng bát phẩm đội trưởng ; tùng bát phẩm bá hộ ; Thừa ân úy ; tùng bát phẩm phó ty tượng.

Chánh cửu phẩm (Hiệu lực hiệu úy, thụy Dũng lệ) : Chánh cửu phẩm đội trưởng ; Phủ lộ mục ; chính cửu phẩm bá hộ ; chính cửu phẩm tượng mục.

Tùng cửu phẩm (Hiệu lực tá hiệu úy, thụy Dũng mẫn) : Tùng cửu phẩm đội trưởng ; Tùng cửu phẩm bá hộ ; huyện lộ mục ; tùng cửu phẩm tượng mục.

Tinh phong NGUYỄN-TOAN

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 20

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

Đến thiên thứ nhất đây năm thứ nhì trong quyển *Việt Nam Văn-học Sử yếu*, Ông Dương Quảng Hàm nói về « ảnh-hưởng của Văn-chương Tàu », và chia ra làm ba chương. Bài này chỉ bàn về chương thứ nhất, là « Tính-cách phê-thông của văn-chương Tàu và văn-chương Việt-nam », và chương thứ hai là « Các văn-sĩ và thi-sĩ Tàu đã có ảnh-hưởng lớn nhất đến văn-chương Việt-nam: Khuất Nguyên, Đào Tầm, Lý Bạch » (tr. 194 đến tr. 208).

Trước hết ông Hàm « xét về phương-diện tư-tưởng rồi sau xét về phương diện văn-lữ ». Về phương-diện tư-tưởng Ông Hàm nói văn Tàu và văn ta « chú-trọng về luân lý » rất phải, đến đoạn Ông nói « Trọng lý tưởng không vụ tả-thực » thì hơi nhầm. Vì mỗi thể văn một khía như thơ phú luật và văn sách phải có lý tưởng mỗi bài. Còn như văn chép sử và truyện ký thì cốt phải tả-thực, chứ không phải dựa đến lý tưởng. Cũng có người cho sử không phải là văn: đó là nhầm nghĩa văn-lữ, chính sử là một thể văn rất khó, sách đã có chữ « sử hữu tam nan », nghĩa là sử có ba cái khó: văn-tài, kiến-thức và học-lực.

Ông Hàm nói rằng: « Trong cách mô tả, nhiều khi mung-lung, phẩy dềo ít có xác-thực, rõ-ràng, có cái tính-cách của một bức tranh phác-tức, khiến cho người đọc mơ-màng trong trí-mộng; hoặc chỉ vẽ vài nét chính, không có tỉ mỉ rậm-rạp, để cho người xem lấy trí-tưởng-ượng và đem những ký-ức của mình mà bổ-diễn thêm vào » (tr. 195). Đoạn ấy nói riêng về loại tiểu thuyết hoang-dường như *Phong-thần*, *Chinh Tây*, thì phải; nếu nói trùm tất cả lối văn chép sử thì không đúng. Văn chép sử có hai lối: một là lối « biên niên » nghĩa là năm nào tháng nào có việc gì thì chép, như quyển *Đại-Việt Sử ký toàn-thư*, quyển *Việt-đại-thống-giám cương-mục*, cho đến mấy quyển

Dã-sử (như quyển *Lê-triều Dã sử*). Hai là lối « kỷ-truyện », tức là lối chép sử của *Tư-mã-Thiên* và *Ban-Cổ*, là hai nhà có tiếng về nghề chép sử ở nước Tàu. Sử ta có quyển *Đại-Việt thông-sử* của Lê qui-Đôn, mấy bộ *Liệt-truyện*, mấy quyển *Nhân-vật chí v. v.* Trong hai lối chép sử ấy không lối nào dám-mô-tả một cách « mông-lang phẩy-dềo ». Cả đến mấy quyển tiểu-thuyết của ta, như quyển *Lĩnh-nam trích-quái*, *Việt-diện U-linh*, tuy là chuyện hoang-dường, nhưng không quên nào tự bịa-đặt theo lý-tưởng, mà « khiến cho người đọc mơ-màng trong trí-mộng ».

Ông Hàm cho « văn-sĩ Tàu và ta là những bậc trí-thức, (nhiều người lại có chức-vị danh-vọng cao), tự-liệt mình vào hàng thượng-lưu trong xã-hội, nên lúc viết văn cũng cốt để cho những kẻ cao-sang, người học-thức xem; chứ không phải để cho hạng bình-dân xem » (tr. 195). Đoạn ấy cũng sai. Người viết văn chỉ cốt văn cho hay hoặc cho đúng, còn người xem tất là người đã biết chữ; người nào không biết chữ thì phải nhờ người biết chữ giảng cho. Chứ không phải lúc cầm bút đã chú ý đến người cao-quý, hay người bình-dân. Như bài *Hịch* của cụ Trần hưng-đạo, làm để biểu dụ tướng-sĩ, bài *Bình-ngô Đại-cáo* của cụ Nguyễn-Trãi thông cáo quốc-dân; hai bài ấy chính là làm cho người bình-dân, thế mà trong bài biết bao nhiêu là điển-cổ, phần nhiều dẫn những cách-ngôn của thánh-hiền làm mẫu-mực, thật là khó nghĩa. Cứ như thế, thì câu: « lúc viết văn cốt để cho những kẻ cao-sang, người học-thức xem » thật không đúng nên xóa đi.

Ông Hàm lại nói rằng: « Bởi thế, văn chương thường có tính cách cao-quý » cũng nhầm, văn-chương thì bao giờ cũng phải có tính-cách cao-quý, chứ không phải « cốt để cho những kẻ cao-sang, người học-thức xem » mà hóa ra « cao quý đầu ».

Đến phương-diễn văn - từ, ông Hàm nói rằng : « Chính vì sự tôn kính cồ-nhân và tính - cách cao-quý nên văn-chương Tàu và Ta, hay dùng điển-cổ » Kỳ báo trước (số 202) đã nói rõ và đã dẫn những bài thơ không cần điển - cổ mà lời văn thật hay, giọng văn rất tao-nhã, nay xin nhắc lại rằng đương thời-kỳ văn-chương còn phôi-thai, thì phải lay độn cổ-lam tài-liệu, cũng như xây một cái cột thì phải có cốt, chứ không phải vì sự tôn kính cồ - nhân mà phải dùng điển-cổ. còn tính - cách của văn-chương thì bao giờ cũng phải cao-quá, chứ không cứ gì có điển-cổ thì văn-chương mới cao-quá.

Đến chương thứ hai về đoạn tác - phẩm của Khuất - Nguyên, ông Hàm nói : « Theo Hán - thư văn-ngệ chí thì tác-phẩm của ông tất cả có 25 thiên, nhưng một nhà bác - học Tàu gần đây... chỉ cho có 11 thiên là đích - xác của ông » (tr. 199). Thiết tưởng nên nói cả thuyết 25 thiên, vì văn của Khuất-Nguyên chép ở *Sở-từ*, xưa nay đến 84 nhà bình-phẩm và tập - chú, mà đều công nhận có 25 thiên. Tôi xin dịch một đoạn của Chu-Hy tập - chú như sau này : « Khuất-Nguyên tên Bình, tôn - thất nước Sở, làm chức tam lư Đại-phu đời Sở-Hoài-vương, 328-297 (chức tam - lư coi ba họ nhà vua), đem người hiền lương, đề kích lộ quốc - sĩ, vào thì cùng vua mưu toan chính-sự, quyết định hiềm nghi, ra thì coi xét bọn dưới, ứng đối chực hầu ; vua rất quý trọng. Bọn-càng kiêu là thượng-quan đại-phu, và người tin dùng của vua là Ngạn-thượng kết hai người hiền tài, cùng nhau gièm pha : Vua bèn xa Khuất-Nguyên. Khuất-Nguyên bị gièm pha, trong lòng buồn không biết kêu cầu, mới làm thiên *Ly tao*, trên thuật phép tắc của Đường Nga Tam đại, dưới kể Kiệt, Trụ, Nghi, Nạo tại sao mà thua, mong vua giác ngộ. Lúc ấy Tần sai Trương-Nghi nói dối Hoài - vương, bắt tuyệt giao với Sở. Lại dụ đến họp ở Vũ-quan, Khuất - Nguyên can Hoài-vương không nên đi. Hoài-vương không nghe cứ đi sau không được về, bị chết ở Tần. Đến Tương - vương nối ngôi, lại tin lời gièm pha, đẩy Khuất-Nguyên ra giang - nam. Khuất - Nguyên làm *Cửu cơ* (11 thiên), *Thiên-văn*, *Cửu-tư-hương* (9 thiên), *Viễn-du*, *Bổ-cư* và *ngư - phủ* (tất cả 25 thiên). mong tỏ chí mình để vua cảm ngộ, mà vua

không tỉnh lại, Khuất-Nguyên không mở trống thấy nước sắp mất, bèn gieo mình xuống sông Mị-hồ-mà chết » (*Sở từ tập chú*, q. 1, tờ 1 a b). Cứ như thế thì nên chép cả 1 thuyết 25 thiên, không nên theo cả thuyết 11 thiên.

Trong đoạn găng nghĩa cứu chương (tr 199) « *Âi Đĩnh*, ông Hàm viết nhầm là *Âi Sinh* : thương sự sống ». Đĩnh là tên kinh-đô nước Sở, Khuất-Nguyên dè - ấp Đĩnh, có lòng thương nước nhớ vua, nên đặt tên là *Âi Đĩnh*.

Còn đến lời văn ở chương này, thì trang 198 có câu : « Vua Sở sợ ông » : chữ « sợ » ấy nên đổi làm chữ « xa », tr. 200 có câu : « vì trước ông chỉ có các bài ca dao... » dưới chữ « trước » trên chữ « ông » nên thêm chữ « đời » : nếu không có chữ « đời » thì người ta nhầm là bài ca-dao cũng của ông làm ra.

(Còn nữa)

ỨNG-HOÀNG NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 9)

xướng thộng gian với cung-phủ, vua không bắt tội chết, nên phở làm thứ nhân và bắt tù » (*Toán thư* q. 4, tờ 15 b). *Khâm-định*, cần án rằng « Cựa sử chép thái-tử Long-xưởng, thế thì Long-xưởng được chính-vị đông-cung rồi, còn lập từ năm nào, sử sách bỏ thiếu ». Rồi kể lại « có một hôm, vua với tể-thần (tức tể-tướng) bảo rằng « thái - tử là gốc lớn của nước, Long-xưởng đã làm điều vô đạo, trăm mưu chờ Long-trát ngồi ngôi lớn, nhưng tuổi còn nhỏ, sợ chưa kham nổi, nếu đợi lớn tuổi, thì trăm đã già-yếu rồi làm sao ? » Trong khi nói chuyện thì có nội-nhan âm Long - Trát ra mặt vua. Vua dọi khăn, Long-Trát khóc đòi đội, vua chưa kịp đưa, Trát càng khóc dữ, Vua bèn trật khăn đội cho Long-trát, trát mừng lắm, cười to, vua cũng lấy làm kỳ-di, bấy giờ vua quyết định lập Long-trát. Đến tháng giêng năm sau (Ất-mùi 1175) lập Long-trát làm thái-tử, cho ở Đông-cung » (*Khâm-định*, q. 5, tờ 16 b; *Toán thư*, q. 4, tờ 16 a). « Phong Tể-hiến-thành làm nhập-nội kiểm - hiệu thái-phổ bình - chương

quân-quốc trọng-sự, tước vương để giúp đỡ Đông-cung > (Toàn-thư q. 4 từ 16 a).

« Mùa hạ tháng tư năm ấy (1175) vua se minh, cố sức gắng gượng, sai Tô-hiến-Thành làm thái tử co-việc chính-sự. Đến tháng bảy ngày ất tỵ (14-8-1175) vua mất ở điện Thụy-quang, miếu hiệu là anh tông, ở ngôi 37 năm, thọ 40 tuổi đi chiếu cho Tô-hiến - thành phụ chính > (Khâm-định, q. 5, từ 17 a-b và Toàn-thư, q. 4, từ 16 a-b). Lý anh-tông đặt bốn niên-biêu, là : Tu-phi-minh 1138 - 1139, Đại-dinh 1140-1162, Cảnh-long bao - ứng 1163 - 1173, Thiên-cảm chí-bảo 1174-1175.

« Khi phải bệnh nặng, hoàng-hậu xin lại lập Long-xưởng. Vua nói Long-xưởng làm con mà bất-biếu, thì trị dân sao được ? Di chiếu cho Tô-hiến - Thành phụ-đạo t. ái - tử, công việc nhà nước, hết tùy tuân theo phép sẵn. Đến lúc vua mất, thái-hậu mưu việc phế lập, sợ Tô-hiến - thành không theo, bèn lấy vàng lo lót với vợ Tô-hiến - Thành là họ Lã Tô-hiến Thành nói rằng « Ta là đại-thần nhận cố mệnh giúp vua nhỏ. Nay lại nhận của lo lót, bỏ người nọ lập người kia, thì mặt mũi nào mà thấy tiên-đế ở trên - đài ? » Thái - hậu lại triệu Tô-hiến-Thành dụ dỗ trăm đường, Tô-hiến Thành thưa rằng : « Bạt nghĩa mà được giàu-sang, thì người trung-thần nghĩa-sĩ không thích làm, huống chi là đức Tiên-đế còn ở bên tai, thái - hậu há không nghe những việc y - Doãn, Hoắc - Quang ư ? Tôi không dám phụ mệnh, » việc ấy sau thôi > (Khâm-định, q. 5, từ 17 b 18 a và Toàn-thư, q. 4, từ 16 b).

(Còn nữa)

Ưng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

XẤ THUẾ !

(Tiếp theo trang 7)

nửa số được xá ; người ít lực, quyền số thuế đóng theo năm ngoài (vì theo chỗ thấy biết của tôi, thuế thân năm 1945, bọn thực dân định thu rất nặng vào những nhà hủ sản, họ đánh gấp 4, 5 lần hơn) ; còn những người không có lực, thì tùy tâm quyền bao nhiêu tùy sức.

Muốn tiện việc, ta nên quyền đề nghị Chính-phủ khởi bản làm mua sắm Ta-liệu đỡ Chính - phủ được việc gì thì đỡ Ta-hợp từng đoàn, từng giới, từng họ, hay từng người mua những thứ quân nhu cần thiết nay rất cần cho quân đội, như vải, quần, áo, mũ, giày dép, chăn màn, thắt lưng, túi dết, bị đông, thực phẩm, đường v.v.

Trong khi còn phải - hộ Đồng-Minh có đây, vì nào có bằng tâm bằng sản, nên kịp tờ chức quyền ngay cho quân đội có thứ dùng đề tiện hoặc biểu diễn, hoặc tiến đến cho thêm phần trang nghiêm thì thật quý hóa.

Làm thế, ta tỏ rõ cho người thế giới thấy cái tình đoàn kết của dân ta, và rõ sự lễ-chức quân đội ta, trong một thời gian rất ngắn mà cũng không đến nỗi sơ sài.

Thường nhớ, nhiều lần dân Hoa-Kiều ở bên ta đã bớt tiền ăn để quyền đem về Tàu, vì thế, vì dân chí thế, nên dân tộc Trung - Hoa ngày nay, có cái vinh quang đứng vào hàng bốn cường quốc trên thế giới.

BẢO MỐI

— ĐỜI MỚI của ông Nguyễn gia Vỹ làm chủ nhiệm — báo ra chủ nhật — mỗi số 0\$50 Tòa báo ở Hàng cót.

— ĐỌC LẬP mỗi tuần ra hai kỳ — cơ quan của đảng dân chủ — mỗi số 0\$30

— CỜ GIẢI PHÓNG — cơ quan của đảng cộng sản trung ương Đông dương — ra ngày thứ năm và chủ nhật — mỗi số 0\$30.

Xin giới thiệu cùng các bạn đọc 3 tờ báo mới, chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ và thắng tiền trên trường ngôn luận

TRI TÂN

Ở trong cõi Á-đông, tự cò đến giờ, nước Trung - Hoa lập dân quốc đầu tiên, nay đến dân quốc ta là thứ nhì, vậy ta nên làm làm sao cho xứng đáng là dân một nước cộng hòa.

Trông người lại ngắm đến ta, ta nên noi gương hy - sinh, kiên quyết, dũng - mạnh đó, mà đồng lòng nộp cái số thuế được xá bằng cách quyền như trên đề đáp lại cái lòng hy-sinh của Chính - phủ đối với dân vậy.

Giặc Pháp vẫn làm le nhóm nhỏ, bọn thực-dân vẫn đề ý dòm hành, còn, mất, được, thua là tự ta cả, ta cần phải đoàn kết hy-sinh dũng cảm để đối phó với mọi cuộc xâm lăng

Thân trai tám thước mày râu.
Một bầu tám huyết, lẽ đâu
ngồi nhìn ?

(Minh - Viên)
HAI LONG

Yếu tố của giấy bạc

(Tiếp theo trang 5)

Những thứ giấy bạc đầu nhất là giấy bạc nhà nước (billets d'Etat). Công thổ phát hành giấy bạc. Nhưng có sẵn thủ - đoạn lý - tài ở trong tay, chính-phủ thường ứng-dụng quyền phát - hành giấy bạc một cách trái với những yêu - tố thứ nhất và thứ hai của giấy bạc. Số giấy phát hành, không bị ở như ầu của kinh-tế, lại thường có thể chịu ảnh-hưởng của chính-trị, cần tiền chính - phủ in giấy, thiếu tiền chính-phủ in giấy. Bởi thế, giấy bạc phát hành bởi chính-phủ, thường gặp cái nạn nhều quá (inflation) và luật cũng cần nhân đó mà tác hại cho nhân dân.

Lại còn một lẽ nữa, phần đối việc phát hành giấy bạc bởi công khố, tức là bởi chính-phủ. Là một khi - cụ tin tưởng giấy bạc một nước chỉ có đủ sức trang-trải lúc nào loan quốc dân tin nhiệm hoàn toàn. Lịch sử đã viết rõ nhều trang đảo-chính, thất quốc-chính - phủ, cách mạng. Loạc tin của quốc-dân đặt vào giấy bạc thường bị nao núng trải qua những việc lịch-sử ấy (xem giấy bạc và chính-phủ Tri-Tân số 197).

Để tránh tất cả những tình-rạng bất thường xảy ra cho giấy bạc, chính-phủ thường giao quyền phát hành cho một ngân hàng, và dân tiếp hưởng lợi ở quyền ấy. Công-khố nhờ vậy, đỡ được một phần công việc. Giấy bạc nhờ vậy, được thêm một bảo-lấn thứ hai, bảo-dảm của ngân - hàng phát - hành, ngoài bảo-dảm của chính-phủ. Đó tức là giấy bạc nhà băng (billets de banque).

Trên thế giới, hầu hết các nước đều dùng giấy bạc nhà

băng. Rất ít nước có giấy bạc nhà nước. Năm 1912, Raphael Levy đã nhận xét như sau này:

Những xứ dùng giấy bạc nhà nước

Gia-nã-đai, Ấn độ, Xiêm-la Ca li, Brésil và Colombie.

Những xứ dùng giấy bạc nhà băng

— quốc-gia ngân hàng

Ar, esine — Fn ande — Bulga-rie — Suède — Uruguay

— tư gia ngân hàng

a) độ quyền phát-hành:

Pháp, Bỉ, Hòa-Lan, Lục-xâm-bảo, Áo, Hung, Thụy-Sĩ, Tây-ban - nha, Bồ-đào-nha, T.ồ Hy-lạp, Lỗ, Đan-mach, Na-uy Ai-cáp, Nhật-bản, Đài loan, Cao-lý

b) phần quyền phát hành

những nước chưa kể đến

Những xứ dùng cả hai thứ giấy bạc,

Hoa - kỳ (Hiệp - chung quốc) và Anh-cát lợi

Có lẽ từ năm 1912 đến nay, nhiều sự thay đổi đã xảy ra — những yếu-tố thứ ba của giấy bạc: giấy bạc phải phát - hành bởi một ngân - hàng, thì không thể thay đổi được.

Yếu-tố thứ tư: giấy bạc cần phải luân-chuyển.

Giấy bạc là một văn khế nợ, vô danh, đặt ra để tiện lưu từ người này đến người khác, tức là để luân-chuyển. Giấy bạc không phải là hình thức của của-cải; ở những xứ thố-sơ, người ta bắt buộc từ chối không dùng giấy bạc; trái lại, ở những nước tiến-tiến, người ta không hề từ chối giấy bạc. Giấy bạc dù dùng đến lâu hay ít, về số phát hành, bằng cách giữ tiền ở các ngân-hàng, ở số «cổ dành tiền» (caisse d'épargne) ở các công-ty bảo-hiêm, và

các công-ty tiết-kiệm. Những công-ty tiết-kiệm, bảo-hiêm, ngân-hàng và số phát-hành không hề giữ tiền giấy bạc; công việc của những tổ-chức kinh-tế này là trừ-tính việc ứng dụng cấp tốc những giấy bạc đã lợm được để hưởng lợi. Giấy bạc, nhờ thế, luân-chuyển thêm được một vòng nữa, chạy đến đại chúng, để trở về với những cơ-quan kinh-tế, để chạy một vòng nữa, ... để chạy luôn luôn không ngừng, như sức điện chạy trong luồng điện.

Lúc nào giấy bạc ngừng chạy, là lúc có tai-nạn xảy ra cho nền kinh-tế: hoặc là giấy bạc, bị tích-trữ, không đủ cung ứng cho việc đổi-chác, hoặc là giấy bạc, vì bị tích-trữ, phát-hành thêm nhều, làm cho giá sớ-vật cao lên, hoặc là giấy bạc, mất tin-nhiệm, không còn sức trang-trải nữa.

Giữa yếu-tố thứ tư: giấy bạc cần phải luân-chuyển, đã giữ một phần trong công cuộc cải tiến giấy bạc nhà nước thành giấy nhà băng. Trong một nước, người đầu nhất dùng giấy bạc bao giờ cũng là chính-phủ. Nếu chính-phủ phát-hành giấy bạc, thì từ khi in xong đến khi phát-hành, giấy bạc chưa chạy được một bước nào; trái lại, nếu ngân-hàng phát-hành, ta thấy giấy bạc chạy ngay từ ngân-hàng đến chính-phủ: giấy bạc bắt đầu luân-chuyển.

Để kích-thích sức luân-chuyển, chính-phủ thường phải tổ-chức những phiên công-thả ngân-bạc: 3 tháng, 6 tháng hay một năm, để kiểm-giấy bạc có thể chạy.

Cũng chính yếu-tố này đã dẫn giai-đoạn c. i. t. đến giai-đoạn số 1, giai-đoạn cuối cùng của tiến-tế. Nhưng đó là phạm-vi một bài khác.

NGÔ CÔNG

Những bản sử cũ. . .

Tiếp theo trang 6)

Tài học rộng rãi đủ vào Triều đình. Khoa thi năm Đinh Vĩ (308-1147) người đỗ thứ nhì là Bàng Văn Hưu, nhà viết sử đầu tiên của nước ta. Lê Văn Hưu phụng mệnh soạn quyển *Đại Việt sử ký* chép bắt đầu từ đời Triệu Vũ Vương cho đến hết đời Lý Chiêu Hoàng, cộng là 30 chương, đến năm Nhâm Thìn (1273) đời vua Trần Thánh Tông thì xong. Cuốn *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu nay không còn nguyên bản nữa; nhưng ta cũng có thể chắc được rằng cuốn đó đã làm khuôn mẫu và cốt cấu các bộ sử của các triều sau này. Trong thời kỳ xa vắng, nghĩa là từ Triệu đến Đinh, tác giả chỉ góp nhặt tài liệu ở vài quyển sách chép về đất Giao chỉ và lược lại những cốt lõi chính sử nói về ta hồi Bắc thuộc mà thôi. Về đời Lý gần đây, các việc xảy ra mới được chép lên tiếp nhau, những lỗi vào quá dần đi đã bỏ qua bao nhiêu đời tiền vết, gắng được biết. Nhưng may lại có một cuốn sách cổ thể bỏ vào ít nhiều vào những chỗ trống ấy được; tức là cuốn *An nam chí lược*.

Tác giả cuốn *An nam chí lược* là Lê Tắc. Tác giả người Á châu (Nghệ an) làm môn khách cho một vị vương gia nhà Trần là Trần Kiện trăn thủ Á châu. Khi nước ta có giặc Mông cổ xâm lấn, tình thế rất nguy ngập, Kien đem thành trì hàng giặc Thoát Hoan cho đưa Kien về Tàu chẳng may đi đến Lạng-sou (Ôn châu) Trần Kiện

phải quân ta phục bắn chết. Lê Tắc lúc ấy cũng đi theo, cướp thấy chủ đưa sang Trung hoa an táng rồi ở luôn bên đó không về. Tắc là người học rộng nay phải lưu lạc ở đất nước người, xem được nhiều sách lạ, khảo được nhiều điều hay về nước Nam bèn soạn ra quyển *An nam chí lược* chia làm 10 chương. Sách *An nam chí lược* cho ta biết kỷ lưỡng về nhiều nhân vật từ đời Bắc thuộc và việc giao thiệp giữa nước ta với triều đình Mông cổ (2). Sách đó không thấy lưu hành ở bên ta; các sử gia đời Lê Nguyễn đều không được biết cuốn ấy. Nhân hồi gần đây, ông Sainson làm ở lãnh sự quán bên Trung hoa, thấy một người Nhật đem vào cuốn sách ấy ở nhà in Tsurug Hama mới đem sang dịch ra chữ Pháp (in năm 1884).

Ngoài hai quyển sử kể trên, ta chỉ còn thấy mấy cuốn sách nhỏ nói về giặc Nguyên là: *Bình Nguyên công thần truyện lược*, *Trần triều thế phả hành trạng*, còn những tác phẩm của các văn gia đời Lý Trần đều thất lạc đi gần hết sau hồi giặc Mông sang xâm lấn. Đó là một vết thương sâu rất đau cho tinh thần dân tộc ta phần thi văn, bình thư, hội diều đều bị tịch thu đưa cả về Tàu (3). Hệ thống bất cái tư tưởng của ta phải quên cả về quốc oanh liệt xưa; Vì thế cho nên Việt sử, đến hồi Lý Trần có nhiều điều khuyết điểm, còn lắm chỗ tối tăm.

Đến đời Hậu Lê vua Nhân tôn sắc cho ông Phan Phu Tiên soạn sử nhà Trần tiếp vào với quyển

sử của Lê Văn Hưu; Phan phu tiên chép từ Trần Thái tôn đến hồi giặc Minh, phụ, xuống dưới quyển *Đại Việt sử ký* thêm tất cả là 10 chương (4).

Văn học nước ta đến đời Hồng Đức mới thật phát đạt. Các nhà văn có tài này nở ra cùng một thời; đó là cho một triều đại rực rỡ mà nghệ, sao sáng là vua Lê Thánh Tông. Chính sử nhờ vậy nên không bị sao nhãng nữa. Thánh tôn vừa sẵn-sắc đến địa dư vừa sẵn-sắc đến lịch sử. Ngài sắc cho các quan các hạt phải làm một bản đồ tổng kê những sông núi hiểm trở, thành quách eo búa và ghi chép những sự tích từ xưa tới nay để gửi về bộ. Ngài lại sai sưu tập những sách về quí thuộc về sử học lần lượt ở chốn dân gian, cất những người giỏi soát lại, và chia ra từng loại cho có thứ tự. Năm kỷ hội (1446-1479) ngài sai Ngô Sĩ Liên tu lại bộ quốc sử. Họ Ngô tham khảo được nhiều sách của Trung hoa và của ta, nhưng ông vẫn than phiền về sự tài liệu ít ỏi. Ông dựa vào hai cuốn sử của Lê Văn Hưu và Phan phu Tiên, dùng những điều mới tìm thấy, sửa những chỗ sai, thêm những chỗ thiếu thốn. Bộ sử ấy lấy tên là *Đại Việt sử ký toàn thư* có 15 chương Năm chương đầu chép làm Ngoại kỷ, từ đời Hồng Bang đến Thập nhị sử quân, về những truyện trước đời Triệu, Ngô Sĩ Liên lấy từ tích ở các truyện cổ tích của ta như quyển *Lĩnh Nam trạch quái* và lược phả thành hoàng các làng ghép lại thành mười tám đời Hùng vương và đời Thục thục triều vua Triệu Việt

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 5

Ngô-hạp-Lư

Gỡ cơ đồ Ngô mời kẻ lo chung
 Minh chẳng dám sánh cùng ai thừa trước.
 Chung có sức Yêu-Ly thời nguyên ước
 Lầu kiếng thành, không bỏ với mai sau.
 Bết Yêu-Công không kể chuyện sang giàu,
 Nhưng lẽ-thứ tội tình chi nữa hử ?
 Yêu-Công hãy suy lời Ngô cạn tỏ :
 Không tưởng Ngô hầu, xin tưởng tới non sông
 Yêu-Ly, Yêu-Ly ! lòng dạ như đồng !
 (Yêu-Ly vỗ trán chửi lưởi)

Nghị chửi lưởi, Ngô phép phông kìa thờ
 Yêu-Ly

Tân Ngô-chủ, Ly tài hèn sức đỡ,
 Lồng thêm đau nghe mấy tiếng lâm ly.

Quân-sư

Cơ hội này ngài nếu bỏ qua đi
 Rồi sau tếc, lã o rằng đã chậm.
 Phò mình chúa, nghìn tau sau sẽ ngắm
 Tâm gương ngài mà sử sách nêu rao
 Yêu-Ly

Nghe chúa, nghe tôi, Ly bỗng ngẹn ngào.
 Sự tài sức không đủ làm nên sự.

Võ-tướng

Tài sẵn rồi há khiêm nhường lương lự ?
 Ngô hạp Lư

Nhà nơi Ngô đôi mắt nặng cầu van
 Quân-sư

Đấy lòng già ngài rở rêu cho đang ?
 Yêu-Ly

Thôi Ly cũng...

Võ-tướng

Cũng nhân lời Ngô-chúa ?

Ngô-hạp-Lư

Ơn tri-nợ ghi lòng, lời đã hứa.

Yêu-Ly

Sá chi Ly, xin rộng chớ hạ mình.

Ngô hạp-Lư

Ngài hứa cho một lời hứa đinh-ninh

Yêu-Ly

Ly không thể không cảm tình tương đối.

Ngô-hạp-Lư

Lòng tôi ngập trong mùa xuân nắng chói.

Cảm tạ đất trời ! Tôi đã có Yêu Ly !

Yêu-Ly, Yêu-Ly ! Yêu-Ly. Yêu-Ly !

Yêu-Ly (lạy)

Làm khuyển mã xác hồn xin hứa gắng

Ngô-hạp-Lư

Truyền cho quân mau sửa tước mừng vui

Quân-sư

Khoan kinh-sư mau xin chúa phản hồi.

Một ngày vắng không nên, còn tặc yếu

Chờ ngày khác, ta thiếu gì dịp tiện

Mừng Yêu-công xứng đáng giữa kinh-dô ?

Sát biên cương, Khành-kỵ vẫn rình mò,

Điều bất trắc không làm sao lường ước.

Ngô-hạp-Lư

Lời quân-sư Ngô đành không trái được,

Vậy xin mời tân-hữu sửa lại kinh,

Tại đó thành sẽ trọng thờ tiếp nghinh

Ngô vắng mặt, phải già lo Khành-kỵ.

TUẦN LỄ VĂN-HÓA (7-14-10)

Ung hộ tinh thần kháng chiến ở Nam bộ

Chủ nhật 7-10, 9 giờ sáng khai mạc phòng chầu lăm tại nhà Văn-hóa, 17 giờ diễn thuyết tại nhà hát lớn.

Ban Xuân-Dục sẽ nói về « Miền Nam nước Việt và người Việt ở miền Nam ».

Ban Nguyễn Hữu Đang nói về « Vai trò đồ máu ở Nam-bộ ».

Thứ hai 8-10 : Ngày nghệ thuật

Thứ ba 9-10 : Ngày báo chí (các báo hàng ngày sẽ phát hành những số đặc biệt).

Thứ tư 10-10 : Ngày sân khấu.

Thứ năm 11-10 : Ngày thể thao.

Thứ sáu 12-10 : Ngày âm nhạc và xuất bản.

Thứ bảy 13-10 : Âm nhạc và dạ hội.

Chủ nhật 14-10 : Ngày thơ, nhạc và dạ hội của các báo hàng tuần.

Yêu-Lý

Lời chúa phật, xin cứ đừng giận ý
 Nhưng lý ngộ, K. Khánh-ký quá cao cường
 Liên kết cư dân, đang ở một phương.
 Sao Ngô chúa không diệt trừ yêu mới?

Ngô hợp Lưu

Lòng Ngô vẫn loang mang lửa dấm tối
 Trung bao ngày lo hạ kẻ thù nhân
 Nhưng vô phương, không nổi ai đến gần
 Bỏ Khánh-ký để bày gao mòng lèn.
 Mạng quân đánh lại càng trầm nổi k. ô
 Vì bên Ngô chưa đứng vững từng binh
 Chưa đồn lương, feu thảo việc không thành
 K. đại nghiệp trong một ngày say m. ì.
 Trải năm tháng Ngô vẫn gài nêm m. ì,
 Chỉ có đồ hằng chứa chất tâm can.
 Hay lòng Ngô cảm động tới l. ở vàng
 Hồn kiêu gấp Yêu khách về góp sức.
 Lòng anh-cánh mới, nguy chưa tuyệt đời.
 Trừ như d. ì, Khanh có kẻ chi không?

Yêu-Lý

Tân Ngô vương, người tướng mạnh binh hùng,
 Quân lực kỳ tự bao giờ đã vững,
 Theo khó kịp đến ngày đêm cố gắng

Đánh rằng Ngô, mệnh chúa võ quân sư
 Tay anh từng trí sáng đủ mưu cơ,
 Nhưng lý lượng khó lo oàn m. ì đi,
 Trong khi ấy — ai tỏ ở g. may r. ì? —
 B. ì kẻ thù như nước ở sang s. ì.
 Tàu chúa - òng, muốn trừ K. ì t. ì m. ì,
 Không cách k. ì cho người sang giết ph. ì?

Ngô hợp Lưu

Không ách k. ì, cho người sang giết ph. ì?

Quân sư

Lời Yêu-công phản đó v. ì p. ì hay
 Nhưng về th. ì Khánh-ký p. ì nao tay
 Vô r. ì d. ìng chờ ta d. ìng g. ì?
 K. ì g. ì, Khánh-ký l. ìng vang trời k. ì-ì.
 Thổ gian này trong sử s. ì không hai,
 Suốt m. ìn Nam v. ì quốc phải r. ì g. ì,
 Bình l. ìng mạnh chưa k. ì ai d. ì có?
 Tính ngộ để nhưng l. ìn sang tới đó
 Phải sông pha l. ìn s. ìi tr. ìo g. ìh,
 Ở th. ìn-n. ì, v. ìn-n. ì, nào ai n. ìo th. ìn?

(Còn nữa)

LIU-QUANG-THUẬN

NHỮNG BẢN SỬ CŨ

(Tiếp theo trang 17)

Nhà quốc sử quán xưa lập được nhiều sách để nói về nhà Hậu Lê và nhà Tây sơn. Các quan phụng mệnh vua Thánh Tổ làm quyển *Liệt Thanh thực lục tiền biên*; quyển ấy viết xong năm Thiệu Trị nguyên niên (1803 và 1804). Quyển *Đại-Nam liệt truyện*, chính biên làm trong đời vua Dục-ôn. Mỗi cuốn sách ấy rồi rồi: tường thuật về đời và công nghiệp các chúa Nguyễn các hoàng thân, công chúa, công thần, danh nhân và phân thần. Nhà Nguyễn có một công trình sử học rất to là bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của: sử quan dưới quyền là g. tài Phan thanh Giản viết trong ba năm (1853-1859), chữa đi chữa lại nhiều lần trong những năm 1871-72-73-74, mỗi đến năm 1884 mới xuất bản gồm có 52 quyển, chép từ đầu đến hết đời Hậu Lê. Các tác giả chép rất là công phu, tham khảo được cả các sử cũ. Nhưng đối với bộ *Đại Việt sử ký* bộ *Việt sử khâm định* có nhiều đoạn chép không được tỷ lệ song bằng, quyền trước của nó nói lại nhiều điều thiếu, thiếu cả những thư từ, chửi bới. Đến cuối đời Hậu Lê, các tác giả nói ở ngoài thềm cửa Đại nhà Trịnh, Nguyễn có ý bành vực các chúa Nguyễn và miệt thị các chúa Trịnh. Nhưng bộ *Khâm định* bỏ bỏ t. ở ở chỗ có những lời dẫn và những trang phê bình về Hậu rất là sắc sảo.

Bởi tóm lại các chính sử của ta hiện nay là chép theo lối biên niên nên các việc xảy ra không dễ liên lạc gì với nhau; người xem như lạc vào một khu rừng không biết lối nào mà tìm được đường con đường mình, muốn theo: trước mặt những cây to bụi rậm sẽ chẵn ngang lối.

NGUYỄN-XUÂN-BÀN

TRI-TÂN TẠP-CHÍ RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 207

Từ chế độ dân-chủ cộng-hòa	
đến hiến pháp	Kiến Xương
Tân hưng	Đông-Chi—Hàng-Phong
Yếu tố của g. h. h.	Ngô-Công
Nội ứng bản sử cũ của nước ta	Nguyễn-xuân Bàn
Xá thuế! Xá thuế!	Hải-Long
Đại-nam đặt sự (LXXI)	Ứng học
Bình chế triều Minh m. (H)	Nguyễn-Tọa
Vật nam văn học sử (XX)	Nguyễn-văn-Tổ
Kịch yếu-ly-(V)	Lưu-quang Thuận

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sau tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Đông Tâm — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vân-Trình 51, phố Cấn-dất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương